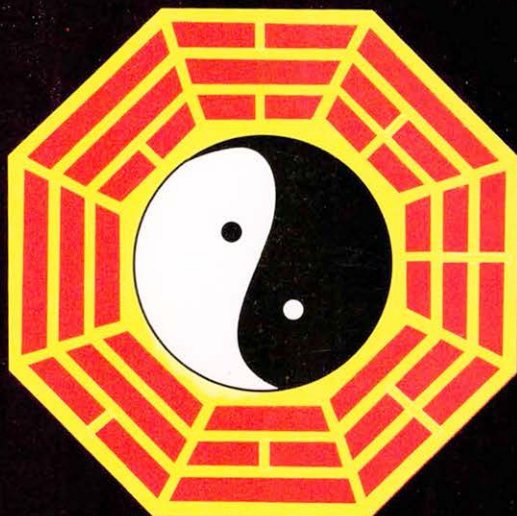


Biên Soạn

www.tuviglobal.com

BỐC DỊCH

THUẬT SỐ TRUNG QUỐC



THIÊN THỜI - ĐỊA LỢI - NHÂN HÒA

www.tuviglobal.com
NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Biên soạn

PHONG SINH - CÁT TƯỜNG

BỐC DỊCH

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Chương I

NHÂN SINH QUAN TRONG TRIẾT LÝ TRUNG HOA

I. ÂM DƯƠNG – NGŨ HÀNH

Âm Dương – Ngũ Hành là 2 học thuyết mang ý nghĩa hết sức cao thâm rộng lớn, đã được các học giả Trung Quốc cổ đại xây dựng cách đây hàng ngàn năm và vẫn tiếp tục được nghiên cứu cho đến tận ngày nay.

Để hiểu biết tường tận học thuyết này cần phải đầu tư rất nhiều công sức nghiên cứu tỉ mỉ với quá trình lâu dài. Trong phạm vi nghiên cứu có giới hạn, chúng ta chỉ cần nắm vững một số vấn đề cốt lõi như sau:

– Thế giới vạn vật xung quanh đều được hình thành, phát triển và biến chuyển theo hai yếu tố quan trọng là **Âm** và **Dương**. Hai yếu tố này tuy đối lập nhau nhưng có sự tác động qua lại để dung hòa bổ túc lẫn nhau.

– 5 loại vật chất cơ bản là để hình thành nên thế giới vạn vật xung quanh ta là **Kim, Mộc, Thủy, Hỏa Thổ**, gọi là **Ngũ Hành**.

6 – BỐC DỊCH

1. ÂM – DƯƠNG

Như đã giới thiệu, vì mang tính chất cốt lõi cơ bản nên chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy khái niệm Âm Dương mang ý nghĩa bao trùm lên tất cả phương pháp lý luận và diễn giải trong hệ thống triết lý của Trung Quốc cổ đại.

Một số ví dụ về sự vật trong tự nhiên được gắn với thuộc tính Âm – Dương sau đây sẽ giúp bạn đọc hiểu hơn về tính chất này:

TÍNH CHẤT	TÊN SỰ VẬT		
Dương	Mặt trời	Đàn ông	Trời
Âm	Mặt trăng	Đàn bà	Đất

2. NGŨ HÀNH

a. Quy luật tương sinh của Ngũ Hành

Tương sinh là sự hỗ trợ làm cho mạnh hơn, tốt hơn từ một hành này lên một hành khác trong Ngũ Hành.

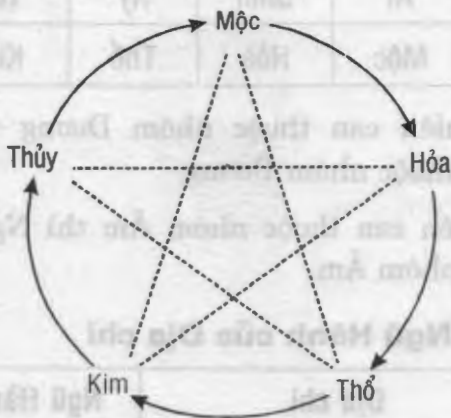
Quy luật tương sinh: **Thủy → Mộc → Hỏa → Thổ → Kim → Thủy**

b. Quy luật tương khắc của Ngũ Hành

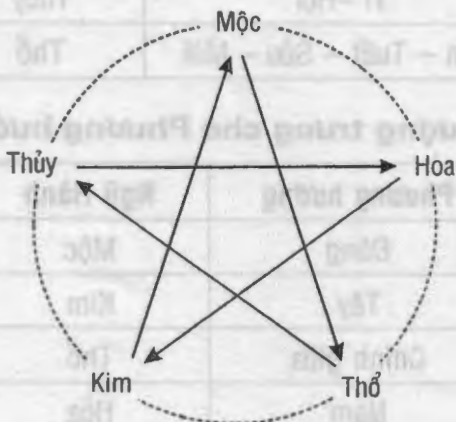
Tương khắc là sự kiềm hãm, khắc chế từ một hành này lên hành khác trong Ngũ Hành.

Quy luật tương khắc: **Thủy → Hỏa → Kim → Mộc → Thổ → Thủy**

VÒNG TRÒN BIỂU HIỆN QUY LUẬT NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH



VÒNG TRÒN BIỂU HIỆN QUY LUẬT NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC



8 – BỐC DỊCH

c. Thuộc tính Ngũ Hành của Thiên can

Can Dương	Giáp	Bính	Mậu	Canh	Nhâm
Can Âm	Ất	Đinh	Kỷ	Tân	Quý
Ngũ Hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy

– Nếu Thiên can thuộc nhóm Dương thì Ngũ Hành tương ứng cũng thuộc nhóm Dương.

– Nếu Thiên can thuộc nhóm Âm thì Ngũ Hành tương ứng cũng thuộc nhóm Âm.

d. Thuộc tính Ngũ Hành của Địa chi

Địa chi	Ngũ Hành
Dần – Mão	Mộc
Tị – Ngọ	Hỏa
Thân – Dậu	Kim
Tí – Hợi	Thủy
Thìn – Tuất – Sửu – Mùi	Thổ

e. Ngũ Hành tượng trưng cho Phương hướng

Phương hướng	Ngũ Hành
Đông	Mộc
Tây	Kim
Chính giữa	Thổ
Nam	Hỏa
Bắc	Thủy

II. THIÊN CAN - ĐỊA CHI

Các nhà nghiên cứu quan niệm, Thiên can được xem như thân cây còn Địa chi giống như cành cây. Có thân thì mới có cành, từ cành mới sinh lá rồi đâm ra hoa, kết thành quả. Quả của cây là hình ảnh tượng trưng cho sự hình thành và phát triển của con người. Quả có ngọt mà cũng có khi chua hoặc sâu bệnh là những hình ảnh tượng trưng cho may rủi họa phúc trong cuộc sống của con người.

Vì sự ra đời và trưởng thành của con người theo quan niệm của triết lý trên thuận với thiên thời, dưới hợp với địa vật, được phối hợp từ vô số Thiên can – Địa chi khác nhau nên con người không ai giống ai một cách hoàn toàn từ hình dáng bên ngoài cho đến tính tình bên trong.

1. THIÊN CAN

Cổ nhân đặt ra 10 Thiên can rồi xếp theo thứ tự và đặt tên như sau:

**GIÁP, ẤT, BÍNH, ĐINH, MẬU, KỶ,
CANH, TÂN, NHÂM, QUÝ**

Giáp: Có nghĩa là “*Mở ra*”, vạn vật bắt đầu hình thành.

Ất: Có nghĩa là “*Kéo lên*”, vạn vật bắt đầu được kéo lên, xuất hiện.

Bính: Có nghĩa là “*Đột nhiên*”, vạn vật bắt đầu lộ diện.

Đinh: Có nghĩa là “*Mạnh mẽ*”, chỉ sự lớn mạnh dần dần của vạn vật.

Mậu: Có nghĩa là “*Rậm rạp*”, chỉ sự phát triển sum xuê của vạn vật.